TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 371/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phượng N, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Th, xã Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp Nh, xã Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phượng N và ông Huỳnh Thanh T có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển số 01/2012 ngày 10/01/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Phượng N yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Anh T1, sinh ngày 18/01/2013; khi ly hôn bà Nguyễn Thị Phượng N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Huỳnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phượng N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà Nguyễn Thị Phượng N có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh T thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Phượng N về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Trong đời sống hôn nhân giữa bà N và ông T có xảy ra mâu thuẫn cho nên hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà N về con chung. Ông T đồng ý giao con chung Huỳnh Anh T1 cho bà N được trực tiếp nuôi con, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông Huỳnh Thanh T có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị Phượng N và ông Huỳnh Thanh T thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng N và bị đơn ông Huỳnh Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phượng N và ông Huỳnh Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển số 01/2012 ngày 10/01/2012, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Phượng N xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khoảng năm 2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự trình bày là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, hiện tại vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, bà N và ông T đều không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Yêu cầu ly hôn của bà N đã được ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Anh T1, sinh ngày 18/01/2013. Hiện tại, con chung đang sống cùng bà N, điều kiện chăm sóc, giáo dục được đảm bảo. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của bà N được ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng N về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Thanh T như sau:

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Phượng N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Huỳnh Anh T1, sinh ngày 18/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Phượng N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Phượng N và ông Huỳnh Thanh T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phượng N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051881 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm